

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày 31 - 08 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Khuất Thị Thanh

Ông: Triệu Minh Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Nhà văn hoá nhân dân tổ 2 - phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Ly Mí T1, sinh năm 1988, tại: Huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T A, xã P, Huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào Nỏ G (đã chết) và bà Giàng Thị M, sinh năm 1955; có vợ: Sùng Thị C, sinh năm 1989 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010; anh, chị em ruột: Bị cáo có 07 anh, chị em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/7/2013 bị Toà án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng, đã được xoá án tích; Ngày 30/6/2016 thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam và đã bị Toà án nhân dân thành phố H xét xử ở một vụ án khác.

Bị cáo bị bắt ngày 10/6/2016, bị khởi tố ngày 19/6/2016, trốn khỏi nơi giam ngày 30/6/2016, đầu thú ngày 12/4/2021. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Dương Minh H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ 21 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
2. Ông Đào Trọng T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Tổ 9 phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.
3. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1966. Hiện đang thi hành án tại K2 Trại giam Quyết Tiến, Bộ công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/6/2016, Đào Trọng T cùng Ly Mí T1 rủ nhau đi xe khách từ Huyện Đ, tỉnh Hà Giang, xuống T1 phố H với mục đích tìm mua ma túy về sử dụng. Đến 17 giờ cùng ngày T, T1 xuống đến thành phố H ngồi uống nước tại quán nước gần khu vực đầu cầu 3/2 (*thuộc tổ 9, phường Q, thành phố H*), do quen biết từ trước T điện thoại cho Dương Minh H với mục đích gọi H lên đón. Sau khi nhận điện thoại của T, H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29M: 4625 chở theo Bùi Xuân D lên đón T, T1 về nhà nghỉ Thu Trang thuộc (*tổ 18, phường N, thành phố H*) thuê phòng để nghỉ. Tại nhà nghỉ T1 đưa cho D 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) để D đi mua ma túy Heroin về cùng nhau sử dụng, D cầm tiền đi xuống khu vực bến xe khách Hà Giang mua 1 gói ma túy Heroin của một người đàn ông (*D gặp mặt lần đầu không biết tên tuổi địa chỉ*) với giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy D về nhà nghỉ Thu Trang cùng H, T, T1 sử dụng hết gói ma túy. Sử dụng xong H, D đi về còn T, T1 ngủ lại tại nhà nghỉ, cho đến khoảng 9 giờ ngày 9/6/2016 H đến gặp T, khi ngồi tại giường ngủ T có hỏi H "*ở Hà Giang anh có biết chỗ nào bán ma túy không?*" H đáp "*ở đây tao không biết đâu, nếu cần mua để tao điện thoại sang bên Thái Nguyên hỏi ông anh cho*". H gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu N từ số thuê bao của H số 0942613133 đến số thuê bao của N số 01668072160. H nói "*anh đang ở đâu thế*", N đáp "*Tao đang ở chỗ làm*". H nói "*Bên đó có hàng không anh*" (*hàng tức là ma túy Hêroin*). N đáp "*có, cứ sang đi rồi tính*". Sau đó H thông báo cho T, T1 biết đã có chỗ mua được ma túy, T nói với T1 "*nếu đi Thái Nguyên phải có nhiều tiền*". T1 đáp "*để em đi xoay*", cùng thời điểm đó D cũng đến phòng nghỉ nhưng không biết nội dung T, H, T1 trao đổi về việc mua ma túy. Ngồi chơi một lúc D vào nhà vệ sinh tắm rồi đi về. T1 đi ra khỏi phòng nói với mọi người là đi xoay tiền nhưng thực tế T1 đã mang theo 15.000.000đ (*Mười năm triệu đồng*) từ nhà nhưng không muốn cho T biết sợ T vay. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày T1 quay lại phòng nghỉ thông báo với T đã có tiền, T gọi điện thoại cho H đến để đi Thái Nguyên mua ma túy. Khoảng 16 giờ 15 phút, ngày 09/6/2016 H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29M. 4625 đến nhà nghỉ đón T, T1 đi sang tỉnh Thái Nguyên mục đích đi mua ma túy. H điều khiển xe đi đến Km7 xã Đạo Đức huyện V thì rẽ vào bơm xăng. T1 có đưa cho H 700.000đ (*bảy trăm nghìn đồng*) trả tiền xăng. Khi xe đến huyện B, H điện thoại cho N thông báo cho N biết đã đi đến huyện B và nói với N khi nào sang đến Thái nguyên sẽ điện thoại lại, đến 23 giờ cùng ngày H, T, T1 đến xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, H điện thoại cho N ra đón, N nhận được điện thoại của H thì đi xe đạp từ nhà ra

ngoài ngõ đến đường quốc lộ đón H, T, T1 vào nhà. Khi ngồi tại bàn uống nước nhà N, H có nói *"có hàng chưa anh"*, N đáp *"giờ này muộn rồi 10 giờ sáng mai mới có"*, H nói tiếp *"bọn em đi đường mệt quá có tý nào cho bọn em chơi trước"*, T nói thêm vào *"Anh cứ bỏ ra trước khi nào mua được bọn em trả sau"*. Thấy vậy N vào trong buồng ngủ lấy một gói Heroin từ túi áo khoác treo trên mắc áo ở cửa buồng mang ra đưa cho T cầm rồi N đưa H, T, T1 vào trong buồng 3 người sử dụng, khi sử dụng xong cả 4 người quay lại bàn uống nước phòng khách ngồi. Tại đây T1 có nói với N *"Anh xem có chỗ nào lấy trước một ít"*, N đáp *"giờ này khó lắm để xem đã"*, H nói thêm vào *"giá cả thế nào"*. N đáp *"giá cả tao không rõ, tao nghe nói khoảng bốn đến năm trăm một phen"*. Nói xong T1 đưa cho N 1.800.000đ (*một triệu tám trăm nghìn đồng*), N cầm tiền đi ra đường thuê xe ôm đi đến khu vực cầu Gia Bảy (*thành phố Thái Nguyên*) tìm mua ma túy, khi gần đến cầu Gia Bảy, N bảo người lái xe ôm đứng đợi còn N một mình đi bộ đến cầu. Đến nơi N có gặp và mua một gói ma túy Heroin của người đàn ông (*N không biết tên tuổi địa chỉ*) với giá 1.800.000đ (*một triệu tám trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy N đi về nhà đưa cho T1 gói ma túy và cả 4 người đi vào trong buồng tiếp tục sử dụng. Khi sử dụng xong T1 trích từ gói ma túy lại một ít ma túy trả lại cho N, số ma túy còn lại T1 gói lại cất trong túi quần, cả 3 ngủ lại tại nhà N, cho đến 8 giờ ngày 10/6/2016 H, T, T1 dậy ăn sáng tại nhà N do vợ N là người đi mua, ăn xong cả 3 người rủ nhau đi chơi ngoài thành phố Thái Nguyên, đến 9 giờ cùng ngày thì quay lại nhà N. Ngồi tại bàn uống nước lúc này có mặt cả 4 người H nói với N *"có hàng chưa anh"*, T nói thêm vào *"anh xem có hàng chưa để bọn em còn về"* N đáp *"giờ này có rồi"*. T lấy tiền trong túi quần đưa cho T1 3.500.000đ *"ba triệu năm trăm nghìn đồng"* T1 cầm tiền và lấy thêm trong túi quần 8.000.000đ *"tám triệu đồng"*. Tổng cộng T1 đưa cho N 11.500.000đ *"mười một triệu năm trăm nghìn đồng"* trong đó 11.000.000đ (*mười một triệu*) là để mua ma túy còn 500.000đ (*năm trăm nghìn*) trả tiền công N đi mua hộ. N cầm tiền đi ra đường thuê xe ôm đi đến khu vực cầu Gia Bảy (*thành phố Thái Nguyên*) tìm mua ma túy, khi gần đến cầu Gia Bảy N bảo người lái xe ôm đứng đợi còn N một mình đi bộ đến cầu, đến nơi N có gặp và mua hai gói ma túy Hêroin của một người phụ nữ (*N không biết tên tuổi địa chỉ*) với giá 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*), trong đó một gói ma túy to được gói bằng giấy nilon màu trắng bên ngoài gói buộc dây nịt màu vàng, gói ma túy nhỏ được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ bên ngoài gói buộc dây nịt màu vàng. N cầm 2 gói ma túy đi về nhà và đưa hai gói ma túy cho T, T cầm lấy và đưa lại cho T1 gói ma túy to, cả 4 người đi vào trong buồng ngủ của N sử dụng ma túy. T1 bỏ gói ma túy N vừa mua về trích một ít đưa cho H, N và T1 sử dụng, còn T khác bỏ gói ma túy N vừa đưa ra sử dụng một mình. Bốn người sử dụng xong T1 bỏ gói ma túy mua tối ngày 9/6/2016 ra đổ lẫn vào gói ma túy vừa mua rồi cất vào túi quần, T gói ma túy lại cầm ở tay. Sau đó 3 người ra xe đi về Hà Giang, H là người điều khiển xe, T ngồi bên ghế phụ còn T1 ngồi ghế sau lái. Khi ngồi trong xe T cất gói ma túy vừa mua vào trong hộc hộp số, H điều khiển xe đến thị trấn Vĩnh Tuy, huyện B, tỉnh Hà Giang thì dừng lại hiệu thuốc tân dược cạnh đường, H xuống xe đi vào hiệu thuốc mua xi lanh và ống nước Novokain để sử dụng ma túy, khi mua xong H vào ghế sau ngồi cùng T1 còn T điều khiển xe. T lái xe đi một đoạn không nhớ bao nhiêu mét thì dừng lại bên đường, T1 bỏ gói ma túy ra chia cho mỗi người một ít rồi cả 3

cùng sử dụng ma túy trong xe. Sử dụng xong H lên ghế phụ ngồi T điều khiển xe đi về T1 phố H, đến khu vực tổ 1, phường Q, thành phố H thì bị lực lượng Công an kiểm tra. Tại thời điểm đó T1 lấy gói ma túy trong túi quần vứt xuống sàn xe ô tô phía dưới chân của T1 ngồi còn T lấy gói ma túy trong hộc hộp số vứt sang phía bên ghế phụ chỗ H ngồi thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Ngày 11/6/2016 Công an thành phố H tiến hành cân tịnh trọng lượng gói ma túy của Ly Mí T1 có trọng lượng 13,5 (*mười ba phẩy năm*) gam.

Tại bản kết luận giám định, số 101, ngày 21 tháng 6 năm 2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Mẫu gửi giám định thu giữ khi bắt quả tang Ly Mí T1 là chất ma túy, loại ma túy **Hêrôin**. Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS-TPHG ngày 03/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Ly Mí T1 về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam; Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về việc áp dụng tình tiết có lợi cho người phạm tội. Do đó đề nghị áp dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo Ly Mí T1 về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Ly Mí T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Ly Mí T1 về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Ly Mí T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ly Mí T1 từ 06 (Sáu) đến 08 (Tám) năm tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị HĐXX xử lý tài sản, vật chứng đã thu giữ như sau:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A116, (đã qua sử dụng). Số IMEI1:301014140427276, số IMEI2:301014140427284, lắp sim VETTEL.

+ Trả lại cho Ly Mí T1: 4.397.000đ (*bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng*). Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát và thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Bị cáo nhận thấy việc làm của bị cáo đã vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo rất hối hận, mong được hưởng khoan hồng của pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo để sớm được trở về gia đình, làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của quyết định, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên của thành phố H trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Dương Minh H, Đào Trọng T, Nguyễn Hữu N. Xét thấy những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra và sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí: Bị cáo Lý Mí T1 là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên bị cáo từ chối yêu cầu trợ giúp pháp lý và tự bào chữa cho mình.

[4] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của Ly Mí T1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra (BL 120 đến BL 141), phù hợp với các tài liệu như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Công an thành phố H (BL 73- 76); Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh (BL 77 đến BL 91); Biên bản cân tịnh trọng lượng (BL 92-93); Kết luận giám định (BL 106-109), cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 16 giờ 10 ngày 10/06/2016 tại khu vực tổ 1, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang Ly Mí T1 đã có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng. Tổng khối lượng gói ma túy Ly Mí T1 tàng trữ có khối lượng 13,5(mười ba phẩy năm) gam, do đó bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định:

"1.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a,.....

b,.....

h, Hê rô in hoặc cô ca in có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;

i,..... ”

Tuy nhiên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam; Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về việc áp dụng tình tiết có lợi cho người phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng các tình tiết có lợi cho bị cáo Ly Mí T1 về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 qui định:

"1.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a).....

g) Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine. MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam.

h)..... ”

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Ly Mí T1 về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, mặt khác góp phần làm gia tăng tệ nạn sử dụng ma túy và các tội phạm nghiêm trọng khác, gây mất an ninh trật tự, gây xôn xao dư luận, khiến quần chúng nhân dân bất bình lên án, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc nhưng chỉ vì để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân mà bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện tội phạm, do đó cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện có ích cho xã hội và để giáo dục phòng ngừa chung.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Hữu N, Đào Trọng T, Dương Minh H cùng thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng đã được tách ra và đã bị xét xử trong một vụ án khác, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS, không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử về tội vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để sửa chữa lỗi lầm của mình mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp

luật. Do đó cần có mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Căn cứ vào lời nói sau cùng tại phiên toà của bị cáo Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án phù hợp để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, phấn đấu cải tạo tốt để trở thành người lương thiện.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Ly Mí T1 không nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng đã thu giữ của bị cáo, xét thấy không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã quyết định giao trả cho chị Sùng Thị C (*Là vợ của Ly Mí T1*), theo Quyết định xử lý vật chứng số 11b, ngày 05/7/2021 là có căn cứ, khi nhận lại tài sản chị C và bị cáo Ly Mí T1 không có ý kiến, đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8] **Đối với:** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A116, (*đã qua sử dụng*). Số IMEI 1:301014140427276, số IMEI2:301014140427284, lắp sim VETTE là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước; **Đối với số tiền** 4.397.000đ (*bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) đã thu giữ của Ly Mí T1, xét thấy số tiền này là của Ly Mí T1 không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó xét trả lại cho bị cáo là phù hợp. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Ly Mí T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249, Điều 38, khoản 1 Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, **Điều 47** của Bộ luật hình sự; Khoản 2, 3 **Điều 106**; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Ly Mí T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Ly Mí T1 06 (Sáu) năm tù, được khấu trừ 20 (Hai mươi) ngày tù do bị cáo bị tạm giam, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 05 năm 11 tháng 10 ngày (*Năm năm mười một tháng mười ngày*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A116, (đã qua sử dụng). Số IMEI 1:301014140427276, số IMEI2:301014140427284, lắp sim VETTEL.

- Trả lại cho bị cáo Ly Mí T1 số tiền 4.397.000đ (bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tình trạng tài sản, vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang ngày 17 tháng 8 năm 2021.

4.Về án phí: Bị cáo Ly Mí T1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an thành phố H (02 bản);
- Trại tạm giam Công an tỉnh HG;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS TP;
- Sở Tư pháp tỉnh HG;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mỹ Lệ

